

Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/HSST-QĐ ngày 21/3/2024 đối với bị cáo:

Trần Xuân N, sinh năm 1987 tại tỉnh Phú Thọ; thường trú: khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1993; có vợ tên là Bùi Thị H, sinh năm 1981; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023; có mặt.

- Bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: căn hộ S chung cư C, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Ông Vũ Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi ở hiện nay: E N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3/ Ông Quách Minh K1, sinh năm 1979; địa chỉ: 1, khu phố T, phường T,

thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Trương Quốc S, sinh năm 1972; địa chỉ: G đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Ông Đới Thanh V, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: C N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3/ Công ty TNHH D; địa chỉ: số B, ngách A, phố Đ, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

5/ Công ty TNHH T1; địa chỉ: thôn B, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: ông Lê Nguyễn Anh Q1, sinh năm 1992, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 17/07/2023, bị cáo Trần Xuân N ở nhà trọ tại số C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo N nảy sinh ý định lên mạng đặt hàng mua xe đạp điện của cửa hàng, khi cửa hàng giao xe đạp điện đến, bị cáo N sẽ lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, bị cáo N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, Imeil 1: 356825071835680, Imeil 2: 356850071835688, màu vàng đồng, gắn sim số 0918284505, lên mạng xã hội Facebook, sử dụng tài khoản có tên “Trần Lộc P1” tìm kiếm và thấy trang Facebook tên “Xưởng lắp ráp xe điện” của ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1991; thường trú: tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang đăng bán xe đạp điện. Bị cáo N đã thỏa thuận với anh T mua 10 xe đạp điện nhãn hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen (không có bình điện) với giá 3.900.000 đồng/chiếc và cho ông T số điện thoại 0918284505 để liên lạc. Sau đó, ông T liên hệ với Công ty TNHH D, địa chỉ: số B ngách A phố Đ, phường V, Quận H, thành phố Hà Nội để vận chuyển xe đạp điện giao cho bị cáo N. Đến ngày 24/07/2023, Công ty TNHH D phân công tài xế Lê Văn C, sinh năm: 1990; thường trú: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh điều khiển xe ô tô tải chở 10 xe đạp điện đi vào thành phố D, tỉnh Bình Dương giao cho bị cáo N. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 27/07/2023, ông C sử dụng tài khoản ứng dụng Zalo tên “Lê C” liên lạc với tài khoản tên “Hai Phát” của bị cáo N để bị cáo N hướng dẫn ông C đến địa điểm giao xe đạp điện.

Lúc này, bị cáo N nói ông C chạy xuống cầu vượt Ngã tư 550 thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương, thì gọi cho bị cáo N ra đón. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, ông C liên lạc với bị cáo N nói sắp đến nơi nên bị cáo N thuê xe chở ra trước cổng Công ty Y nằm trên đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, rồi gửi vị trí qua ứng dụng Zalo cho ông C. Khoảng 30 phút sau, ông C điều khiển xe ô tô tải biển số 29H – 789.22 đến địa điểm bị cáo N gửi vị trí. Bị cáo N hỏi ông C là đơn hàng của bị cáo N giao mấy xe đạp điện. Ông C mang xuống khỏi xe ô tô tải 03 chiếc xe đạp điện để bị cáo N kiểm tra. Ông C liên lạc với chủ hàng và được biết là đơn hàng của bị cáo N chỉ có 02 chiếc xe đạp điện hiệu Gbike, model 133S nên ông C đưa 01 chiếc xe đạp điện lên xe ô tô tải trở lại. Lúc này, bị cáo N quan sát thấy ông C đang loay hoay đưa xe đạp điện lên trên thùng xe ô tô tải không chú ý, bị cáo N lén lút lấy 01 chiếc xe đạp điện hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen (không có bình điện) đẩy chạy bộ đi vào đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lúc sau, ông C đi ra khỏi thùng xe thì không thấy bị cáo N và 01 chiếc xe đạp điện nên chạy đi tìm. Khi ông C chạy vào đường L thì thấy bị cáo N đang đẩy chiếc xe đạp điện chạy bộ nên truy hô và cùng với lực lượng Công an phường D đang đi tuần tra bắt giữ được bị cáo N. Sau đó, Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo N, tạm giữ tang vật đưa về trụ sở Công an để làm việc.

Quá trình làm việc, bị cáo N khai nhận ngoài sự việc trên, bị cáo còn thực hiện thêm 04 vụ chiếm đoạt xe đạp điện tại địa bàn thành phố D, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03/07/2023, bị cáo N đến cửa hàng mua bán xe đạp điện Anh K tại: số E đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Vũ Văn K, sinh năm: 1982; thường trú: số B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương làm chủ. Lúc này, bị cáo N nảy sinh ý định vào cửa hàng G mua xe đạp điện rồi chiếm đoạt. Sau đó, bị cáo N đi vào cửa hàng gặp ông K để hỏi mua xe đạp điện. Ông K mang ra một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model M133, màu đen, có bình điện và thỏa thuận bán cho bị cáo N với giá tiền là 7.500.000 đồng. Bị cáo N nói với ông K là cho bị cáo chạy thử xe và ông K đồng ý. Sau đó, ông K lắp bình ắc quy vào xe và đưa chìa khoá xe cho bị cáo N chạy thử. Bị cáo N điều khiển xe đạp điện chạy từ cửa hàng ra hướng đường ĐT743 được khoảng 100 mét. Bị cáo N thấy ông K vẫn đứng nhìn nên bị cáo quay lại nói ông K chỉnh lại thắng xe, nhằm mục đích tạo niềm tin cho ông K. Khi chỉnh thắng xe xong bị cáo N điều khiển xe chạy tiếp ra hướng đường ĐT743, chạy được một đoạn xa, bị cáo N quay lại nhìn không thấy ông K nhìn theo nữa nên điều khiển xe đạp điện chạy về phòng trọ tại địa chỉ số C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cất giấu. Sau đó, bị cáo N đăng lên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản “Trần Lộc P1” để bán xe với giá 6.500.000 đồng, khoảng 02-03 ngày sau có người (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua với giá 5.500.000 đồng và bị cáo N đồng ý bán. Bị cáo N mang xe ra khu vực Ngã tư 550 thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương để giao xe cho người mua và nhận số tiền 5.500.000 đồng bằng tiền mặt, số tiền trên bị cáo N đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: khoảng hơn 19 giờ 00 phút ngày 03/07/2023, bị cáo N đi bộ vào trong khu vực chung cư C thuộc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chơi. Bị cáo N đi vào chung cư thì thấy một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model 133S, màu đen, có bình điện, đã qua sử dụng, của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; thường trú: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước không có người trông coi, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo N lén lút lấy chiếc xe và mang xe về phòng trọ tại số C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cất giấu. Sau đó, bị cáo N sử dụng tài khoản “Trần Lộc P1” đăng lên mạng xã hội Facebook để rao bán và có người (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua với giá 3.800.000 đồng và bị cáo N đồng ý. Sau đó, bị cáo N mang xe ra khu vực Ngã tư 550 thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương, để giao xe cho người mua và nhận số tiền 3.800.000 đồng tiền mặt, số tiền trên bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: khoảng đầu tháng 07/2023, bị cáo N sử dụng tài khoản “Trần Lộc P1” vào mạng xã hội Facebook và giả vờ đặt mua xe đạp điện nhằm mục đích chiếm đoạt. Bị cáo N vào trang “Xưởng lắp ráp xe đạp điện” của Công ty TNHH T1, địa chỉ: thôn B, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để thỏa thuận mua xe đạp điện và bị cáo đặt mua 10 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ, có bình điện. Bị cáo N cho Công ty số điện thoại 0918284505 để liên lạc. Đến ngày 09/07/2023, Công ty TNHH T1 phân công tài xế Quách Minh K1, sinh năm 1979; thường trú: số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương điều khiển xe ô tô tải biển số 89H-00939 đi giao xe đạp điện cho bị cáo N. Lúc này, ông K1 liên lạc với bị cáo N và bị cáo hẹn ông K1 đến trước Ngân hàng V1 nằm trên đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giao nhận hàng. Khi tài xế đến nơi, bị cáo N yêu cầu ông K1 đưa xuống trước 05 chiếc xe đạp điện và 05 bình ắc quy để bị cáo thử xe. Sau khi đưa xe xuống thì ông K1 lắp bình ắc quy vào 01 xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ, để bị cáo N chạy thử. Lúc chạy thử bị cáo quay đầu lại thấy ông K1 nhìn theo, sau đó ông K1 không nhìn theo nữa thì bị cáo N điều khiển xe đạp điện chạy về phòng trọ ở địa chỉ số C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để cất giấu. Ông K1 gọi điện cho bị cáo N thì bị cáo nói để về nhà lấy tiền. Sau đó, ông K1 liên lạc lại cho bị cáo N thì thuê bao không liên lạc được. Đến ngày 27/07/2023, khi Công an phường D bắt giữ thì bị cáo N đã chỉ dẫn Cơ quan Công an đến phòng trọ của bị cáo thu giữ chiếc xe đạp điện trên.

Vụ thứ tư: khoảng đầu tháng 07/2023, bị cáo N sử dụng tài khoản “Trần Lộc P1” vào mạng xã hội Facebook trang “Xưởng lắp ráp xe đạp điện” và đặt mua 09 xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ và màu đen (không có bình điện), với mục đích để chiếm đoạt. Bị cáo N đã cho người chủ hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) số điện thoại để liên lạc. Đến ngày 23/7/2023, khi tài xế (không rõ nhân thân, lai lịch) giao xe đạp điện và liên lạc với bị cáo N thì bị cáo hẹn tài xế đến trước Ngân hàng V1 trên đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giao nhận hàng. Khi đi đến điểm hẹn, bị cáo N nói với tài xế lấy bình ắc quy của N mang theo gắn vào xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ để bị cáo N chạy thử xe. Sau khi gắn bình

xong, bị cáo N điều khiển xe đạp điện chạy về phòng trọ tại số C đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 24/07/2023, bị cáo N đem xe đạp điện trên đến tiệm C1 tại số G đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, do anh Trương Quốc S, sinh năm 1972; thường trú: số G đường số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương làm chủ để cầm cố được 3.000.000 đồng. Khi bị bắt giữ, bị cáo N đã chỉ dẫn Cơ quan Công an đến tiệm cầm đồ Phương Nam thu giữ chiếc xe đạp điện trên.

Công an phường D đã lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xử lý.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen (không có bình điện).

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ (không có bình điện).

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ (có bình điện).

- 01 (một) bình điện đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, Imeil 1: 356825071835680, Imeil 2: 356850071835688, màu vàng đồng, gắn sim số 0918284505.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029, Imeil 1: 867695059814912, Imeil 2: 867695059814904, màu đen, gắn sim số 0972859875.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 144/BBĐG-HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D, kết luận: 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen, không có bình điện (mua tháng 7/2023) trị giá 3.950.000 đồng; 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ, không có bình điện (mua tháng 7/2023) trị giá 4.000.000 đồng; 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ, có bình điện (mua tháng 7/2023) trị giá 5.250.000 đồng; 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model 133, màu đen, có bình điện (mua tháng 7/2023) trị giá 7.500.000 đồng và 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model 133S, màu đen, có bình điện (mua tháng 10/2022 đã qua sử dụng) trị giá 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số: 144/BBĐG-HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với ông Trương Quốc S cầm cố xe tài sản của bị cáo N mang đến, hoàn toàn không biết đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số: 83/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân N mức án tù từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân N mức án tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen (không có bình điện), là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Sỹ T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho ông T.

- Đối với 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ (có bình điện), đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Quách Minh K1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho ông K1.

- Đối với 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ (không có bình điện). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thông báo trên đài truyền thanh thành phố D trong thời gian 02 ngày 29 và 30/9/2023 để tìm chủ sở hữu. Nhưng đến nay chưa tìm được chủ sở hữu đối với tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục quản thủ để điều tra, xác minh xử lý sau.

- Đối với 01 (một) bình điện đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, Imeil 1: 356825071835680, Imeil 2: 356850071835688, màu vàng đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029, Imeil 1: 867695059814912, Imeil 2: 867695059814904, màu đen, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với sim số 0918284505 và sim số 0972859875, cần tịch thu tiêu hủy.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Các bị hại bà Nguyễn Thị P, ông Vũ Văn K, ông Quách Minh K1, ông Lê Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Sỹ T và ông Trương Quốc S đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì, Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Ông Đới Thanh V xác định số tiền bồi thường 15.500.000 đồng thay cho bị cáo là tiền của ông V, ông V không yêu cầu bị cáo trả lại nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định:

- Ngày 17/07/2023 tại đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Xuân N có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu Gbike, model 133S, màu cam đen (không có bình điện) trị giá 3.950.000 đồng của ông Lê Văn C.

- Ngày 03/07/2023 tại chung cư C thuộc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Xuân N có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model 133S, màu đen, có bình điện, đã qua sử dụng, trị giá 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị P.

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trần Xuân N lén lút chiếm đoạt tài sản, có tổng giá trị 8.950.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ngày 03/07/2023 tại số E đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Xuân N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTBike, model M133, màu đen, trị giá 7.500.000 đồng của ông Vũ Văn K.

- Khoảng đầu tháng 07/2023 tại trước Ngân hàng V1 nằm trên đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Xuân N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe đạp điện nhãn hiệu Fujibike, model 133S, màu đỏ, trị giá 5.250.000 đồng của ông Quách Minh K1.

- Khoảng đầu tháng 07/2023 tại trước Ngân hàng V1 trên đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Xuân N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ, trị giá 4.000.000 đồng (chưa xác định được chủ sở hữu).

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trần Xuân N dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản, có tổng giá trị 16.750.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số: 83/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Trần Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút và lừa dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: mỗi tội bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo phạm 02 tội và phạm tội 02 lần trở lên, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc*

toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xét 01 (một) bình điện đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, Imeil 1: 356825071835680, Imeil 2: 356850071835688, màu vàng đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029, Imeil 1: 867695059814912, Imeil 2: 867695059814904, màu đen thu giữ của bị cáo là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét các sim số 0918284505 và 0972859875 thu giữ của bị cáo là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Midea, model 133S Speed, màu đỏ (không có bình điện). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thông báo trên đài truyền thanh thành phố D trong thời gian 02 ngày 29 và 30/9/2023 để tìm chủ sở hữu. Nhưng đến nay chưa tìm được chủ sở hữu đối với tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục quản thủ để điều tra, xác minh xử lý sau.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Đới Thanh V, là em họ của bị cáo Trần Xuân N đã tự nguyện bồi thường cho ông Vũ Văn K số tiền 7.500.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị P số tiền 5.000.000 đồng và cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Quốc S số tiền 3.000.000 đồng. Ông K, bà P và ông S không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- Ông Đới Thanh V không yêu cầu bị cáo Trần Xuân N trả lại số tiền đã bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Ông Quách Minh K1 và ông Nguyễn Sỹ T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Ông K1 và ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[10] Đối với ông Trương Quốc S cầm cố xe do bị cáo N chiếm đoạt mang đến, hoàn toàn không biết đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý theo quy định. Cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: bị cáo Trần Xuân N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Trần Xuân N phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) bình điện (ắc quy) đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, Imeil 1: 356825071835680, Imeil 2: 356850071835688, màu vàng đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029, Imeil 1: 867695059814912, Imeil 2: 867695059814904, màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số 0918284505 và 0972859875.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Xuân N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (08);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 10 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy